

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2023 tỉnh Lạng Sơn (lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2023 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch vốn

sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2023 tỉnh Lạng Sơn (lần 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 177/TTr-STC ngày 24 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 -2023 tỉnh Lạng Sơn (lần 2) như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 tại Biểu số IVa kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Giảm 2.416,8 triệu đồng đã phân bổ thực hiện:

- Nội dung “*Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất*” thuộc Mục I: 2.316,8 triệu đồng, trong đó:

+ “*Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Thạch đen tại các xã Chi Lăng, Tri Phương, Đội Cấn, Quốc Việt, Quốc Khánh, huyện Tràng Định*” phân bổ cho huyện Tràng Định thuộc STT 12: 266,8 triệu đồng.

+ “*Mô hình Nhân rộng trồng cây hạt dẻ theo tiêu chuẩn VietGap gắn với truy xuất nguồn gốc trên địa bàn các xã Quảng Lạc, Mai Pha TPLS*” phân bổ cho thành phố Lạng Sơn thuộc STT 14: 900 triệu đồng.

+ “*Mô hình phát triển vùng nguyên liệu, hệ thống sơ chế thuốc lá tại xã Chiêu Vũ, Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn*” phân bổ cho huyện Bắc Sơn thuộc STT 23: 1.150 triệu đồng.

- Nội dung “*Đào tạo nghề*” phân bổ cho huyện Bắc Sơn thuộc STT 1 Mục IV: 100 triệu đồng.

b) Tăng 2.416,8 triệu đồng, phân bổ thực hiện các nội dung:

- “*Mô hình sản xuất Quế, Hồi theo tiêu chuẩn hữu cơ tại các xã Đẻ Thám, Hùng Sơn, Tri Phương, Cao Minh, huyện Tràng Định*” phân bổ cho huyện Tràng Định thuộc STT 11 Mục I: 266,8 triệu đồng.

- “*Xây dựng mô hình nông thôn mới thông minh*” phân bổ cho huyện Bắc Sơn thuộc Mục IX: 100 triệu đồng.

- “*Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu*” phân bổ cho thành phố Lạng Sơn thuộc Mục X: 900 triệu đồng.

- “*Lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch*” phân bổ cho huyện Bắc Sơn bổ sung Mục XVI: 1.150 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 1 kèm theo Quyết định này)

2. Điều chỉnh nội dung: “*Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm về du lịch cộng đồng*” phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc STT 1, Mục V tại Biểu kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành “*Hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn và tập huấn nguồn nhân lực du lịch nông thôn*”.

(Chi tiết tại Biểu 2 kèm theo Quyết định này)

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 tại Biểu 8_NTM_TW kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Giảm 1.700 triệu đồng đã phân bổ thực hiện:

- Nội dung “*Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (Hỗ trợ dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp)*” thuộc STT 1: 1.100 triệu đồng. Trong đó phân bổ cho thành phố Lạng Sơn: 900 triệu đồng, huyện Văn Quan: 200 triệu đồng.

- Nội dung “*Duy tu bảo dưỡng*” phân bổ cho huyện Chi Lăng thuộc STT 7: 600 triệu đồng.

b) Tăng 1.700 triệu đồng, phân bổ thực hiện các nội dung:

- “*Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở*” phân bổ cho huyện Văn Quan thuộc STT 2: 200 triệu đồng.

- “*Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu*” phân bổ cho thành phố Lạng Sơn bổ sung STT 10: 900 triệu đồng.

- “*Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP*” phân bổ cho huyện Chi Lăng bổ sung STT 11: 400 triệu đồng.

- “*Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường*” phân bổ cho huyện Chi Lăng bổ sung STT 12: 200 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 3 kèm theo Quyết định này)

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 tại Biểu 8_NTM_ĐP kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Giảm 680 triệu đồng đã phân bổ thực hiện:

- Nội dung “*Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” thuộc STT 8 Mục I: 380 triệu đồng. Trong đó phân bổ cho huyện Đình Lập: 190 triệu đồng, huyện Bắc Sơn: 190 triệu đồng.

- Nội dung “*Dự án khoa học xây dựng nông thôn mới*” phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ thuộc STT 12 Mục I: 300 triệu đồng.

b) Tăng 680 triệu đồng, phân bổ thực hiện các nội dung:

- "Mô hình camera an ninh và an ninh trật tự nông thôn" thuộc STT 5 Mục I: 490 triệu đồng. Trong đó phân bổ cho huyện Bắc Sơn: 190 triệu đồng, Công an tỉnh: 300 triệu đồng.

- "Xét nghiệm, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt nông thôn" phân bổ cho huyện Đình Lập thuộc STT 6 Mục I: 190 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 4 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn được giao đảm bảo hoàn thành giải ngân trong năm kế hoạch 2023 theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn theo dõi tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(VAT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

**BIỂU 1: ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1559 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	STT tại Quyết định số 1181/QĐ-UBND	Nội dung giao tại biểu IVa Quyết định số 1181/QĐ-UBND và biểu 1 Quyết định số 1192/QĐ-UBND					Phương án điều chỉnh		Nội dung sau điều chỉnh					Ghi chú
		Nội dung	Kế hoạch vốn giao			Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Nội dung	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					
			Tổng kế hoạch vốn	Trong đó					Tổng kế hoạch vốn	Trong đó				
				Thành phố Lạng Sơn	Huyện Tràng Định					Huyện Bắc Sơn	Thành phố Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Huyện Bắc Sơn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
		TỔNG CỘNG	45.830	2.440	4.100	4.250	2.416,8	2.416,8	TỔNG CỘNG	45.830	2.440	4.100	4.250	
I	I	Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất	18.950	900	2.150	1.750	266,8	2.316,8	Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất	16.900	-	2.150	600	Nội dung 5, Nội dung thành phần số 03
		Trong đó							Trong đó					
1	11	Mô hình sản xuất Quê, Hội theo tiêu chuẩn hữu cơ tại các xã Đề Thám, Hùng Sơn, Tri Phương, Cao Minh, huyện Tràng Định	600		600		266,8		Mô hình sản xuất Quê, Hội theo tiêu chuẩn hữu cơ tại các xã Đề Thám, Hùng Sơn, Tri Phương, Cao Minh, huyện Tràng Định	866,8		866,8		
2	12	Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Thạch đen tại các xã Chi Lăng, Tri Phương, Đội Cấn, Quốc Việt, Quốc Khánh, huyện Tràng Định	800		800			266,8	Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Thạch đen tại các xã Chi Lăng, Tri Phương, Đội Cấn, Quốc Việt, Quốc Khánh, huyện Tràng Định	533,2		533,2		
3	14	Mô hình Nhân rộng trồng cây hạt dẻ theo tiêu chuẩn VietGap gắn với truy xuất nguồn gốc trên địa bàn các xã Quảng Lạc, Mai Pha TPLS	900	900				900	Mô hình Nhân rộng trồng cây hạt dẻ theo tiêu chuẩn VietGap gắn với truy xuất nguồn gốc trên địa bàn các xã Quảng Lạc, Mai Pha TPLS	-	-			
4	23	Mô hình phát triển vùng nguyên liệu, hệ thống sơ chế thuốc lá tại xã Chiêu Vũ, Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn	1.150			1.150		1.150	Mô hình phát triển vùng nguyên liệu, hệ thống sơ chế thuốc lá tại xã Chiêu Vũ, Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn	-			-	
II	IV	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	3.650			320		100	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	3.550			220	Nội dung 9, Nội dung thành phần số 03
1	1	Đào tạo nghề	3.300			320		100	Đào tạo nghề	3.200			220	
III	IX	Xây dựng mô hình nông thôn mới thông minh	300				100		Xây dựng mô hình nông thôn mới thông minh	400			100	Nội dung 3, Nội dung thành phần số 08
IV	X	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu	4.400	400			900		Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu	5.300	1.300			Nội dung 5, Nội dung thành phần số 07
V	XVI	Lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch	-				1.150		Lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch	1.150			1.150	Nội dung 1, Nội dung thành phần số 01

BIỂU 2: ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1559 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	STT tại Quyết định 1709/QĐ-UBND	Nội dung tại biểu theo Quyết định 1709/QĐ-UBND	Nội dung sau điều chỉnh	Số Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	V	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	500	
1	1	Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm về du lịch công đồng	Hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn và tập huấn nguồn nhân lực du lịch nông thôn	500	<i>Kinh phí phân bổ giữ nguyên theo QĐ 1709/QĐ-UBND</i>

BIỂU 3: ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1559 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	STT tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND	Nội dung tại biểu 8_NTM_TW Quyết định số 1966/QĐ-UBND						Phương án điều chỉnh		Nội dung sau điều chỉnh						Ghi chú
		Nội dung	Kế hoạch vốn giao				Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Nội dung	Kế hoạch vốn giao						
			Tổng kế hoạch vốn	Trong đó						Tổng kế hoạch vốn	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		TỔNG CỘNG	42.001	36.850	3.860	1.720	3.350	1.700	1.700	TỔNG CỘNG	42.001	36.850	3.860	1.720	3.350	
1	1	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (Hỗ trợ dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp)	13.700	13.200		900	900		1.100	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (Hỗ trợ dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp)	12.600	12.100		0	700	Nội dung 5, Nội dung thành phần số 03
2	2	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	2.000	2.000			200	200		Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	2.200	2.200			400	Nội dung 1, Nội dung thành phần số 06
3	7	Duy tu bảo dưỡng	6.600	6.600	600				600	Duy tu bảo dưỡng	6.000	6.000	0			Nội dung thành phần số 02
4	10	Xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu	-	-				900		Xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu	900	900		900		Nội dung 5, Nội dung thành phần số 07
5	11	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	-	-				400		Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	400	400	400			Nội dung 4, Nội dung thành phần số 03
6	12	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	-	-				200		Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	200	200	200			Nội dung 6, Nội dung thành phần số 07

BIỂU 4: ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1559 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	STT tại Quyết định 1966/QĐ-UBND	Nội dung tại biểu 8_NTM_DP Quyết định số 1966/QĐ-UBND và biểu 3 Quyết định 1192/QĐ-UBND								Phương án điều chỉnh		Nội dung sau điều chỉnh								Ghi chú		
		Nội dung	Kế hoạch vốn giao								Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Nội dung	Kế hoạch vốn giao								
			Tổng kế hoạch vốn	Các huyện, thành phố	Trong đó		Các Sở, ngành tỉnh	Trong đó		Tổng kế hoạch vốn				Các huyện, thành phố	Trong đó		Các Sở, ngành tỉnh	Trong đó				
					Huyện Đình Lập	Huyện Bắc Sơn		Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh						Huyện Đình Lập	Huyện Bắc Sơn		Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
		TỔNG SỐ	42.100	36.850	3.728	4.409	5.151	1.000	-	680	680	TỔNG SỐ	42.100	36.850	3.728	4.409	5.151	700	300			
1	5	Mô hình camera an ninh	1.000	1.000		-				490		Mô hình camera an ninh và an ninh trật tự nông thôn	1.490	1.190		190	300		300	Nội dung 1, Nội dung thành phần số 10		
2	6	Xét nghiệm, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt nông thôn	1.500	1.500	200					190		Xét nghiệm, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt nông thôn	1.690	1.690	390					Nội dung 10, Nội dung thành phần số 02		
3	8	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2.195	1.855	190	190					380	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1.815	1.475		-				Nội dung 9, Nội dung thành phần số 03		
4	12	Dự án khoa học xây dựng nông thôn mới	1000				1000	1000			300	Dự án khoa học xây dựng nông thôn mới	700				700	700		Nội dung 7, Nội dung thành phần số 03		